

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 33/2019/HNGĐ-ST

Ngày 05-8-2019

V/v: Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm: Bà Đào Thị Luyến

Bà Nguyễn Thị Kim Dung

- Thư ký phiên tòa: Ông Lã Ngọc Tiên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Trần Trọng Dân - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2019/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị T; địa chỉ trước khi xuất cảnh và ĐKHKTT: Làng K, xã L, huyện B, tỉnh Thanh Hoá; hiện cư trú tại: Hàn Quốc.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo uỷ quyền của chị T về phần con chung: Bà Trần Thị Th (Mẹ đẻ chị T); ĐKHKTT: Thôn S, xã V, huyện V, tỉnh Thanh Hoá; cư trú tại: Xóm 5, thôn suối Thông B2, xã Đa Ròn, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng (Theo văn bản uỷ quyền ngày 04/5/2019).

- Bị đơn: Anh Phạm Văn H; cư trú tại: Thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, bà Th, anh H (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 04/5/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày: Chị và anh Phạm Văn H đăng ký kết hôn vào ngày 26/12/2005 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh, huyện Nam Trực, do tự nguyện, quá trình chung sống năm 2006 anh H đi lao động xuất khẩu ở Hàn Quốc đã có quan hệ bất hợp pháp với chị Thảo quê ở Đồng Nai sinh ra 02 con chung là

Phạm Minh Quang và Phạm Minh Anh. Được một thời gian chị Thảo bỏ đi mang theo 2 con, năm 2014 anh H tiếp tục có quan hệ bất chính với chị Phương ở số 9 Hoàng Diệu, phường Năng Tĩnh, thành phố Nam Định và có thêm 2 người con với chị Phương. Vì vậy, chị xác định không còn tình cảm, không thể chung sống với anh H được nữa, nên chị xin đi ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phạm Thị LA, sinh ngày 24/9/2006, chị đã phải một mình nuôi cháu từ nhỏ, hiện cháu đang sống cùng với mẹ đẻ chị tại xóm 5, thôn suối Thông B2, xã Dạ Ròn, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng, ly hôn chị xin được giao trực tiếp nuôi con. Trong thời gian chị chưa về nước chị tự nguyện giao cháu LA cho mẹ đẻ chị tiếp tục chăm sóc và tự nguyện không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng.

Về tài sản: Chị không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn đề nghị vào ngày 24/6/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bà Trần Thị Th có quan điểm nhất trí nhận sự uỷ quyền của chị T và cam đoan sẽ thay chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng cháu LA chu đáo.

Tại bản tự khai ngày 02/7/2019 và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án anh Phạm văn H trình bày thống nhất với chị T về quá trình kết hôn, theo anh H từ năm 2007 anh đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, chị T ở cùng bố mẹ anh, đến tháng 8/2008 anh về thăm gia đình thì mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do không tìm được tiếng nói chung, sau đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và chị T đã bế con bỏ nhà đi, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay, không ai còn quan T đến ai nữa. Nay chị T xin ly hôn anh cũng nhất trí. Anh đề nghị Tòa án không tiến hành hoà giải và xin được vắng mặt.

Về con chung: Anh tôn trọng ý kiến của cháu LA là mong muốn được ở với mẹ và bà ngoại vì cháu đã lớn đã nhận thức được, anh không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Anh không đề nghị giải quyết.

Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh có quan điểm tại báo cáo số 22/BC-UBND ngày 29/7/2019 như sau: Anh H, chị T kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thanh, nH do mâu thuẫn trong cuộc sống sinh hoạt anh H và chị T đã sống ly thân. Chị T hiện không còn chung sống với anh H nữa mà đã đưa con là Phạm Thị LA về quê ngoại sinh sống. Việc giao con chung cho ai nuôi đề nghị Tòa án căn cứ theo nguyện vọng của cháu LA. Quan điểm chính quyền địa phương, mục đích hôn nhân giữa anh H và chị T không đạt được, cuộc sống chung không có hạnh phúc, đã ly thân nhau từ lâu, nên chấp nhận cho anh chị được ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định có quan điểm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T, giao cháu LA cho chị T nuôi dưỡng và ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con, buộc chị T có nghĩa vụ nộp toàn bộ án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự có đơn xin xét xử vắng mặt sau khi đã có đầy đủ lời khai, nên Toà án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng theo quy định tại các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Chị T và anh H kết hôn do tự nguyện, có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, đã sống ly thân nhau từ lâu. Xét điều kiện vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan T đến nhau. Từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, tôn trọng, quan T, chăm sóc nhau, cùng nhau chia sẻ các công việc gia đình, đặc biệt cả hai bên không còn thiện chí thực hiện nghĩa vụ sống chung với nhau theo quy định tại các khoản 1, 2 Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Cả hai bên đều có ý thức bỏ mặc, không muốn níu kéo tình cảm gia đình với nhau, cùng xác định không còn khả năng đoàn tụ, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T và anh H.

[3] Về con chung: Xét điều kiện cháu LA hiện đang sống cùng với bà Trần Thị Th là mẹ đẻ chị T được chăm lo chu đáo. Nguyên vọng cháu LA được sống với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Để ổn định cuộc sống và vì quyền lợi của cháu LA, cần giao cho chị Phạm Thị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu LA đến khi cháu LA đủ tuổi trưởng thành, có khả năng lao động tự lập được. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T và bà Th về việc tạm giao cho bà Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu LA trong thời gian chị T chưa về nước.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không đề nghị Tòa án giải quyết.

[5] Về án phí: Chị T phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 58, các Điều 81, 82, 83, khoản 1 Điều 122, khoản 2 Điều 123, khoản 2 Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 236/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Toà án,

1. Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị T với anh Phạm Văn H;

2. Giao cháu Phạm Thị LA cho chị Phạm Thị T có trách nhiệm nuôi dưỡng đến khi cháu Phạm Thị LA đủ tuổi trưởng thành có khả năng lao động tự lập được;

Ghi nhận sự tự nguyện của chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Anh H có quyền thăm nom con, không ai được cản trở anh H thực hiện quyền này. NH anh H không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con;

3. Ghi nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị T và bà Trần Thị Th về việc tạm giao cho bà Trần Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị LA trong thời gian chị Phạm Thị T chưa về nước;

4. Anh Phạm Văn H có nghĩa vụ thi hành quyết định của bản án về việc giao cháu Phạm Thị LA cho chị Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn và trong thời gian chị T chưa về nước tạm giao cho bà Trần Thị Th được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phạm Thị LA theo sự uỷ quyền của chị T;

5. Án phí: Chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm. Đ- ợc đối trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp tại biên lai số 0000937 ngày 21 tháng 6 năm 2019 của cơ quan Thi hành án dân sự tỉnh Nam Định (Chị T đã nộp đủ án phí).

Chị Phạm Thị T đ- ợc quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ. Anh H được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Bà Trần Thị Th được quyền kháng cáo phần bản án có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đ- ợng sự (03 bản);
- TAND + VKSND cấp cao tại HN (02 bản);
- VKSND tỉnh Nam Định (01 bản);
- Cục Thi hành án tỉnh Nam Định (01 bản);
- UBND xã Nam Thanh (01 bản);
- L- u hồ sơ vụ án;
- L- u Tòa Dân sự.

Đã ký

Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả các thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên d- ối đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

